TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5 - H**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: **686**/2026/QĐST-HNGĐ	*H, ngày 29 tháng 6 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 685/2026/TLST–HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2026, về việc: Ly hôn, con chung giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh **TC** , sinh năm 1996; CCCD số: 038***190 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 17/08/2021; Địa chỉ: Tòa T26M-2 (S2.15) Dự án Khu đô thị G – Vinhomes Ocean Park, xã G, thành phố H.

- *Bị đơn:* Chị **NTT**, sinh năm 1997; CCCD số: 038***239 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 28/09/2021; Địa chỉ: Tòa T26M-2 (S2.15) Dự án Khu đô thị G – Vinhomes Ocean Park, xã G, thành phố H.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án và Danh mục án phí, lệ phí Toà án kèm theo;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 19 tháng 6 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 19 tháng 6 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh TC, sinh năm 1996 và chị NTT, sinh năm 1997.

2. Công nhận sự thoả thuận của anh TC và chị NTT, cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Anh C, chị T xác định không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

2.2. Về tài sản chung và nợ chung vợ chồng: Anh C, chị T không yêu cầu Toà án giải quyết nên Tòa án không xét.

2.3. Về nợ chung vợ chồng: Anh C, chị T không yêu cầu Toà án giải quyết nên Tòa án không xét.

2.4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ghi nhận sự tự nguyện của anh TC chịu 150.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà anh C đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí ký hiệu: BLTU/26E số 0015179 ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Thi hành án dân sự thành phố H (Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 5). Hoàn trả lại anh Cường số tiền 150.000 đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Nguyễn Minh Ngọc

Nơi nhận:
- *Tòa án ND TP H;*
- *VKSND Khu vực 5 – H;*
- *Thi hành án dân sự TP H*
- *Phòng thi hành án KV5;*
- *UBND X.Vĩnh Hùng, H.Vĩnh Lộc, Thanh Hóa* (nay là X.Biện Thượng, Thanh Hóa - GCNKH số 93 quyển số 02/2025)*;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án*.